

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HS-PT
Ngày 09-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thiệm

Bà Phạm Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Ngọc Anh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 100/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 12 năm 2018 do có kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị M, Trương Trung K, Nguyễn Thái H, Lê Văn N, Nguyễn Thành Đ, Phạm Ngọc T và bị hại Vũ Văn T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 155/2018/HS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Thị M, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1985 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 9 phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân Q và bà Vũ Thị Đ1; có chồng là Nguyễn Trung T2 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 06/4/2018, tạm giam ngày 14/4/2018; có mặt.

2. Trương Trung K, sinh ngày 27 tháng 9 năm 1986 tại Hải Phòng. ĐKKTT: Số 6/146 Cao Thắng, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 6/632 Nguyễn Văn Linh, phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Trung A và bà Vũ Thị Bích N1; có vợ là Phạm Thị Đỗ K1 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú ngày 29/3/2018, bị tạm giữ ngày 30/3/2018, tạm giam ngày 08/4/2018; có mặt.

3. Nguyễn Thái H, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 19/1/2B Phạm Phú Thứ, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị K2; có vợ là Phạm Thị Lệ Q1 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú ngày 30/3/2018, bị tạm giữ ngày 31/3/2018, tạm giam ngày 08/4/2018; có mặt.

4. Lê Văn N, sinh ngày 22 tháng 01 năm 1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Khởi Nghĩa, xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không rõ và con bà Lê Thị V; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 30/3/2018, tạm giam ngày 08/4/2018; ngày 07/6/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

5. Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 04 tháng 4 năm 1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Trần Thành, xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T3 và bà Bùi Thị C; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 30/3/2018, tạm giam ngày 08/4/2018; ngày 27/6/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

6. Phạm Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 10C/136 Phạm Hữu Điều, phường NN, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc P và bà Nguyễn Thị V1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/4/2018, tạm giam ngày 08/4/2018; ngày 23/7/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

Bị hại có kháng cáo: Anh Vũ Văn T1, sinh năm 1979, nơi cư trú: Số 148 Trại Lẻ, phường KD, quận LC, thành phố Hải phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017, Bùi Thị M quen biết và nảy sinh tình cảm với Trương Trung K. M đã kể cho K về mâu thuẫn trong công việc làm ăn giữa M với T1 cũng như việc T1 nói xấu M, đến nhà M để đòi nợ. Vì bức xúc với T1 nên K bàn bạc với M về việc đánh T1 để dạy T1 một bài học. M đồng ý.

Sáng ngày 18/01/2018, K điện thoại cho M bảo chuẩn bị ảnh của T1 và số tiền 1.000.000 đồng để bạn của K đến lấy. Sau đó, K điện thoại cho H nhờ đánh T1, H đồng ý. K đưa số điện thoại của M cho H và bảo H đến gặp M để lấy ảnh và tiền rồi đi theo T1, theo dõi vị trí của T1 để thông báo lại cho K. Theo lời K, H gặp

M và nhận 01 bì ảnh gồm 05 bức ảnh của T1, 01 tờ giấy A4 ghi biển số xe, loại xe, các số điện thoại của T1 và số tiền 1.000.000 đồng.

Sau đó, M đi đường thì nhìn thấy xe ô tô của T1 nên đã điện thoại thông báo cho K và H. Theo thông tin M cung cấp, H đi theo xe ô tô của T1 và thông báo lại cho K.

Trong lúc đó, K đang dự đám cưới ở TN, Hải Phòng cùng N, Đ, T. K bảo N đi cùng K có việc thì N đồng ý. Quá trình dự đám cưới, K liên tục liên lạc với M và H. Theo lời của H, K và N đi xe về một quán cà phê trên đường Phan Đăng Lưu, quận KA, Hải Phòng thì gặp H đang điều khiển xe máy Jupiter biển kiểm soát 16K5-3412. Lúc này, K bảo N đi về lấy xe để có phương tiện di chuyển và lấy 01 gậy gỗ hình trụ, dài khoảng 70 cm, đường kính khoảng 03 cm ở nhà K để chuẩn bị đánh T1. Sau đó, K và H tiếp tục theo dõi T1, khi đến khu vực cầu Niệm thì K và H gặp N điều khiển xe máy Air Blade biển kiểm soát 16N4-1264, K chuyển sang điều khiển xe chở N còn H đi một mình.

K, H, N tiếp tục đi theo T1, đến khu vực đường Bến Bính thì K nhờ N đánh T1 vì T1 nợ tiền K không trả. N đồng ý. Khi đi đến bờ sông Tam Bạc, Đ gọi điện thoại cho K hỏi xong việc chưa, có cần giúp gì không thì K nói đi dọc bờ sông Tam Bạc sẽ gặp K. Đ điều khiển xe máy Exciter biển kiểm soát 15B1-84555 chở T đi đến khu vực chợ Sắt thì gặp K, K nói đi theo ô tô của T1 để đánh cảnh cáo vì T1 nợ tiền K không trả. Đ và T đồng ý. Từ đây, cả 05 người điều khiển 03 xe máy đi theo xe ô tô của T1.

Khi đi trên đường Lạch Tray, K gọi điện hỏi T vị trí xe của T1 và bảo T tìm cách dừng xe của T1 lại. T đồng ý rồi nói lại cho Đ biết. Đến khu vực trước cửa nhà số 10 mương An Kim Hải, phường KD, quận LC, Hải Phòng, Đ điều khiển xe mô tô đi đầu tiên, vượt lên va chạm để chặn xe ô tô của T1. K đi thứ hai thì dừng xe để lấy gậy gỗ mà N đã chuẩn bị để trong cốp xe. H đi vượt qua xe K, dừng xe rồi cùng với Đ cầm tay lái T1 xuống xe. Lúc này, K chờ N đi đến, tay phải N cầm gậy gỗ vụt 01 cái vào bắp chân trái của T1. T1 bị lôi hắt ra khỏi xe. H xông vào dùng tay nắm lấy tay trái của T1. K giằng gậy gỗ từ tay N đập vào chân, vào người T1. N nhặt viên đá lát nền kích thước khoảng 20 x 30cm, dày khoảng 01cm ném vào vai T1, viên đá rơi ra thì H nhặt lấy rồi đập 01 nhát vào bụng T1 và tiếp tục dùng mũ bảo hiểm đánh vào người T1 mấy cái. K tiếp tục dùng gậy gỗ đập nhiều cái vào người T1. H đá vào ngực T1. Đ dùng chân đạp vào đầu T1. T đứng cách T1 khoảng 01 mét nhìn T1 bị 04 người trong nhóm đánh. Đánh T1 xong, cả nhóm lên xe bỏ chạy. Chiếc gậy gỗ K đã làm thất lạc ở đâu không biết nên không thu hồi được.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 49/2018/TgT ngày 29/01/2018 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Hải Phòng kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do gãy 1/3 dưới xương mác trái gây nên là 6%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết phẫu thuật vùng 1/3 dưới cẳng chân trái gây nên là 8%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích trên gây nên

theo phương pháp cộng lùi và làm tròn số là 14%. Các thương tích trên có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tại Cơ quan điều tra, Trương Trung K khai nhận: Do bức xúc với T1 trong việc T1 nói xấu M nên đã bàn bạc với M về việc đánh T1, M đồng ý. Vào sáng ngày 18/01/2018, K đã nhờ H, N, Đ, T đi theo vị trí xe của T1 và đã đánh T1 tại khu vực trước cửa nhà số 10 mường An Kim Hải, phường KD, quận LC, Hải Phòng. Đ là người chặn xe ô tô của T1, sau đó cùng H lôi T1 xuống xe. H dùng tay chân đấm đá mấy cái vào người T1. N cầm gậy gỗ vọt 01 cái vào bắp chân của T1. K giằng gậy gỗ từ tay N đập vào chân, vào người T1. N nhặt viên đá lát nền ném vào vai T1, viên đá rơi ra thì H nhặt lấy đập 01 cái vào bụng T1. Đ dùng chân đạp vào đầu T1. T là người nghe điện thoại của K để tìm cách chặn xe chứ không tham gia đánh T1. Sau khi đánh T1 xong, cả nhóm lên xe bỏ chạy. Chiếc gậy gỗ K đã làm thất lạc nên không thu hồi được.

Bùi Thị M khai M khai nhận: Do bức xúc trong việc Tuyền nhiều lần nói xấu với gia đình, bạn bè của M nên bàn với K đánh T1. M là người chuẩn bị ảnh của T1, 01 tờ giấy A4 ghi thông tin về T1, số tiền 1.000.000 đồng để đưa cho H và là người trực tiếp đi theo xe của T1 để cung cấp thông tin cho K và H.

Nguyễn Thái H, Lê Văn N, Nguyễn Thành Đ, Phạm Ngọc T khai nhận: Ngày 18/01/2018, K là người rủ đi đánh T1 và cả 05 người điều khiển 03 xe máy đi theo xe ô tô của T1, khi đến khu vực trước cửa nhà số 10 mường An Kim Hải, phường KD, quận LC, Hải Phòng đã chặn được xe và đánh gây thương tích cho T1.

Bị hại Vũ Văn T1 khai: Khoảng 15h ngày 18/01/2018, anh bị 05 nam giới không quen biết đánh gây thương tích tại khu vực trước cửa nhà số 10 mường An Kim Hải. Anh yêu cầu các đối tượng gây thương tích cho anh phải bồi thường số tiền 184.000.000 đồng và giao nộp cho Cơ quan điều tra phiếu thu phí khám bệnh thể hiện số tiền 8.812.000 đồng; ngoài ra, các chi phí khác được kê trong bảng kê chi phí thiệt hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 155/2018/HS-ST ngày 14/11/2018, Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Thị M 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 06 tháng 4 năm 2018.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trương Trung K 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thái H 36 (ba mươi sáu) tháng tù về

tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Văn N 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018 đến ngày 07/6/2018. Quyết định bảo lãnh đối với bị cáo tính đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thành Đ 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018 đến ngày 27/6/2018. Quyết định bảo lãnh đối với bị cáo tính đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Ngọc T 18 (mười tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2018 đến ngày 23/7/2018. Quyết định bảo lãnh đối với bị cáo tính đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; 585; 587, 590 Bộ luật Dân sự; buộc các bị cáo M, K, H, N, Đ và T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Vũ Văn T1 số tiền là 107.656.472 (một trăm linh bảy triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi hai) đồng, theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 17.942.745 (mười bảy triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm) đồng.

Bị cáo M tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để bồi thường cho bị hại nên bị cáo M đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường. Bị cáo N, Đ mỗi bị cáo tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nên mỗi bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 7.942.745 (bảy triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm) đồng. Bị cáo T tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng nên phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 12.942.745 (mười hai triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm) đồng. Bị cáo K, H chưa thực hiện trách nhiệm nên mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 17.942.745 (mười bảy triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm) đồng cho bị hại.

Ngoài ra, còn quyết định về xử lý vật chứng, tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/11/2018 bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; ngày 28/11/2018 bị cáo N, Đ kháng cáo xin giảm nhẹ

hình phạt và hưởng án treo; ngày 27/11/2018 bị cáo M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 04/12/2018, bị cáo K, H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 29/11/2018 bị hại Vũ Văn T1 kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo M, K, H và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Kháng cáo của các bị cáo và bị hại đều trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, bị hại thay đổi nội dung kháng cáo: Bị hại chỉ kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị M và yêu cầu tăng bồi thường. Bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N, Đ, T. Sau khi nghe giải thích về yêu cầu bồi thường đối với khoản chi phí tháo nẹp vít sau mổ không thuộc phạm vi xem xét ở cấp phúc thẩm, bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tăng bồi thường.

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Bùi Thị M, Trương Trung K, Lê Văn N, Nguyễn Thái H, Nguyễn Thành Đ, Phạm Ngọc T đồng phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo của bị hại: Tại phiên tòa, bị hại thay đổi nội dung kháng cáo, bị hại chỉ kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị M và yêu cầu tăng bồi thường, việc thay đổi nội dung kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ hành vi, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với từng bị cáo. Mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp và tương xứng với hành vi của từng bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo M của bị hại.

Về kháng cáo tăng mức bồi thường: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các chi phí hợp lý bao gồm: Chi phí khám nhập viện, tiền viện phí; mua bộ nẹp vít xương phẫu thuật; Chi phí cho 2 người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị tại bệnh viện do bị hại không tự đi lại được; chi phí để mua đồ vật dụng nằm viện; Khoản thu nhập bị mất trong thời gian 08 tháng không đi làm được; Bồi thường tổn thất tinh thần. Tại cấp phúc thẩm, bị hại cung cấp các biên lai viện phí về việc mổ tháo nẹp vít và Đơn xác nhận của anh Bùi Trọng S về việc có chở 7 chuyến cho người từ Bắc Giang xuống chăm sóc bị hại. Xét thấy, tại Bản án sơ thẩm đã ghi rõ về chi phí đối với khoản chi phí dự kiến phẫu thuật tháo nẹp là khoản tiền chưa chi phí thực tế nên tách ra, nếu sau này bị hại có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác là đúng quy định của pháp luật.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại.

Xét kháng cáo của các bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò của từng bị cáo và xử phạt bị cáo K 42 tháng tù, bị cáo M 36 tháng tù, bị cáo H 36 tháng tù, bị cáo N 30 tháng tù, bị cáo Đ 24 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo K, M, H, N, Đ không cung cấp được tình tiết nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đối với bị cáo T đồng phạm với vai trò thứ yếu, vai trò thấp nhất so với đồng bọn, T không tham gia đánh T1 mà T chỉ đứng nhìn. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T cung cấp Biên lai nộp tiền bồi thường thiệt hại mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là 12.942.745 đồng; bị cáo có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Căn cứ vào vai trò, nhân thân của bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo T nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Thị M, Trương Trung K, Nguyễn Thái H, Lê Văn N, Nguyễn Thành Đ và Phạm Ngọc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, với bản Kết luận giám định thương tích và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Do mâu thuẫn giữa Bùi Thị M và Vũ Văn T1 trong quan hệ làm ăn và được M nói lại, K đã bàn với M về việc đánh T1 nên vào hồi 15 giờ ngày 18/01/2018 tại khu vực trước cửa nhà số 10 mương An Kim Hải, phường KD, quận LC, thành phố Hải Phòng, Trương Trung K, Lê Văn N, Nguyễn Thái H, Nguyễn Thành Đ và Phạm Ngọc T đã có hành vi sử dụng tay chân, một chiếc gậy gỗ và một viên đá lát nền đánh gây thương tích cho Vũ Văn T1. Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 49/2018/TgT ngày 29/01/2018 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Hải Phòng kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do gãy 1/3 dưới xương mác trái gây nên là 6%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết phẫu thuật vùng 1/3 dưới cẳng chân trái gây nên là 8%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích trên gây nên theo phương pháp cộng lùi và làm tròn số là 14%. Các thương tích trên có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Bùi Thị M, Trương Trung K, Lê Văn N, Nguyễn Thái H, Nguyễn Thành Đ, Phạm Ngọc T đồng phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo của các bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò của từng bị cáo:

[2] - Bị cáo K là người khởi xướng việc đánh T1 và là người thực hành tích cực, bị cáo đã yêu cầu M cung cấp các thông tin về T1, trực tiếp nhờ các bị cáo

khác đi theo dõi vị trí của T1 và đánh T1, là người chuẩn bị chiếc gậy gỗ và dùng gậy gỗ đánh T1. Bị cáo M, H, N, Đ, T là người tiếp nhận ý chí của bị cáo K.

[3] - Bị cáo M là người thực hành tích cực, đã cung cấp các thông tin về ảnh, về số điện thoại, biển số xe của T1, là người trực tiếp theo dõi vị trí của T1 để báo lại cho K, là người tiếp nhận thông tin từ K về diễn biến sự việc.

[4] - Bị cáo H là người tiếp nhận thông tin của T1 từ bị cáo M, đi theo dõi T1, đã cùng Đ kéo T1 ra khỏi xe và dùng tay chân đánh T1, dùng gạch lát nền đập vào bụng T1, dùng mũ bảo hiểm đánh vào người T1.

[5] - Bị cáo N đã sử dụng gậy gỗ vụt vào bắp chân trái của T1, khi bị K giằng gậy để đánh T1 thì N tiếp tục nhặt viên đá lát nền ném vào vai T1.

[6] - Bị cáo Đ trực tiếp chặn xe của T1, cùng H kéo T1 xuống xe và dùng chân đập vào đầu T1.

[7] - Bị cáo T ngồi sau xe Đ, cùng Đ chặn xe của T1 nhưng không tham gia đánh T1.

[8] Do vậy, vai trò phạm tội của bị cáo K là cao nhất, sau đó đến M rồi đến H, tiếp theo là N, rồi đến Đ và vai trò đồng phạm thấp nhất là T.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo K 42 tháng tù, bị cáo M 36 tháng tù, bị cáo H 36 tháng tù, bị cáo N 30 tháng tù, bị cáo Đ 24 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo K, M, H, N, Đ không cung cấp được tình tiết nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[10] Đối với bị cáo T đồng phạm với vai trò thứ yếu, vai trò thấp nhất so với đồng bọn. K gọi điện hỏi T vị trí xe của T1 và bảo T tìm cách dừng xe của T1 lại, T đồng ý rồi nói lại cho Đ biết. Như vậy, T tiếp nhận ý chí từ K nhưng không tham gia đánh T1 mà T chỉ đứng nhìn. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T cung cấp Biên lai nộp tiền bồi thường thiệt hại mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là 12.942.745 đồng; bị cáo có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tuấn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo T được hưởng. Căn cứ vào vai trò, nhân thân của bị cáo T, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 18 tháng tù là phù hợp nhưng không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội. Bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị hại kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo M, không kháng cáo tăng hình phạt đối với T. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, cho bị cáo hưởng án treo.

Xét kháng cáo của bị hại:

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại thay đổi nội dung kháng cáo, bị hại chỉ kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị M và yêu cầu tăng bồi

thường, việc thay đổi nội dung kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ hành vi, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với từng bị cáo. Mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp và tương xứng với hành vi của từng bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị M của bị hại.

[12] Về kháng cáo tăng mức bồi thường: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các chi phí hợp lý bao gồm:

- + Chi phí khám nhập viện 505.000 đồng, tiền viện phí 15.636.472 đồng; mua bộ nẹp vít xương phẫu thuật là 4.000.000 đồng;

- + Chi phí cho 2 người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị tại bệnh viện do bị hại không tự đi lại được là 8.400.000 đồng; chi phí để mua đồ vật dụng nằm viện 2.500.000 đồng,

- + Khoản thu nhập bị mất trong thời gian 08 tháng không đi làm được là 55.720.000 đồng (Do bị hại đang đóng Bảo hiểm xã hội trên thu nhập là 6.956.000 đồng/tháng),

- + Bồi thường tổn thất tinh thần là 15 tháng lương cơ sở, tương ứng số tiền 20.895.000 đồng.

[13] Tại cấp phúc thẩm, bị hại cung cấp các biên lai viện phí về việc mổ tháo nẹp vít và Đơn xác nhận của anh Bùi Trọng S về việc có chở 7 chuyến cho người từ Bắc Giang xuống chăm sóc bị hại đã được cấp sơ thẩm xem xét. Xét thấy, tại Bản án sơ thẩm đã ghi rõ về chi phí đối với khoản chi phí dự kiến phẫu thuật tháo nẹp là khoản tiền chưa chi phí thực tế nên tách ra, nếu sau này bị hại có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác là đúng quy định của pháp luật.

[14] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa.

[15] Về án phí: Các bị cáo Bùi Thị M, Trương Trung K, Nguyễn Thái H, Lê Văn N, Nguyễn Thành Đ phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Ngọc T và bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[16] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị M, Trương Trung K, Nguyễn Thái H, Lê Văn N, Nguyễn Thành Đ và bị hại Vũ Văn T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Bùi Thị M, Trương Trung K, Nguyễn Thái H, Lê Văn N, Nguyễn Thành Đ và bị hại Vũ Văn T1.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T. Sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Thị M 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/4/2018

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trương Trung K 42 (*bốn mươi hai*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/3/2018.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thái H 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2018.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Văn N 30 (*ba mươi*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018 đến ngày 07/6/2018. Quyết định bảo lãnh đối với bị cáo tính đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thành Đ 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018 đến ngày 27/6/2018. Quyết định bảo lãnh đối với bị cáo tính đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Ngọc T 18 (*mười tám*) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 3 (*Ba*) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Ngọc T cho UBND phường Niệm Nghĩa, quận LC, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Bùi Thị M, Trương Trung K, Nguyễn Thái H, Lê Văn N, Nguyễn Thành Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Ngọc T và bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án số 155/2018/HS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND cấp sơ thẩm;
- PV27 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT, cơ quan THAHS cấp sơ thẩm;
- Tòa án cấp sơ thẩm;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Cục THADS TPHP;
- Chi cục THADS cấp sơ thẩm;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Tuấn